



KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Khóa tuyển sinh 2016

Ngành: **QUẢN TRỊ KINH DOANH**
 Chuyên ngành: **Kê toán - Kiểm toán**
 Mã số ngành: **52340101**
 Khoa: **Kinh tế**

Tổng khối lượng kiến thức:

126 tín chỉ tích lũy

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
Học kỳ 1											
01	MAN201	Quản trị học	BB	3	3					K. GDĐC	
02	ACC201	Kế toán đại cương	BB	3	3					K. GDĐC	
03	SKL101	Phương pháp học đại học	BB	3	3					K. GDĐC	
04	ACC302	Nhập môn ngành Kế toán	BB	2	2					K. Kinh tế	
05	ACC303	Trải nghiệm ngành, nghề	BB	1			1			K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 1		12	11	0	1	0	0		
Học kỳ 2											
01	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	BB	2	2					K. GDĐC	
02	ECO303	Kinh tế vi mô	BB	3	3					K. Kinh tế	
03	ACC410	Kế toán tài chính căn bản	BB	3	3					K. Kinh tế	
04		(Chọn 1 trong 3 học phần)	TC	3							
	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1			3					K. GDĐC	
	ART201	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ			3					K. GDĐC	
	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa			3					K. GDĐC	
05		(Chọn 1 trong 3 học phần)	TC	3							
	FIN301	Lý thuyết tài chính - Tiền tệ			3					K. Kinh tế	
	BUS305	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh			3					K. Kinh tế	
	MAN405	Nghệ thuật lãnh đạo			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 2		14	14	0	0	0	0		
Học kỳ 3											

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
01	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	BB	3	3					K. GDĐC	
02	NAS203	Thống kê ứng dụng	BB	3	3					K. GDĐC	
03	ACC411	Kế toán tài chính nâng cao	BB	3	3					K. Kinh tế	
04	ACC421	Kiến tập chuyên ngành kế toán	BB	1			1			K. Kinh tế	
05		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2			3					K. Kinh tế	
	PSY201	Tâm lý học đại cương			3					K. Kinh tế	
	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 3		13	12	0	1	0	0		
Học kỳ 4											
01	LAW101	Pháp luật đại cương	BB	3	3					K. GDĐC	
02	ECO302	Kinh tế lượng	BB	3	3					K. Kinh tế	
03	ECO304	Kinh tế vĩ mô	BB	3	3					K. Kinh tế	
04		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	NAS202	Toán cao cấp			3					K. GDĐC	
	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại			3					K. GDĐC	
	VIE201	Kỹ năng sử dụng Tiếng Việt			3					K. GDĐC	
05		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	PUR410	Quan hệ công chúng			3					K. Kinh tế	
	BUS306	Thương mại điện tử			3					K. Kinh tế	
	BUS302	Đạo đức trong kinh doanh			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 4		15	15	0	0	0	0		
Học kỳ 5											
01	MAR201	Marketing căn bản	BB	3	3					K. GDĐC	
02	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	BB	3	3					K. GDĐC	
03	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BB	2	2					K. GDĐC	
04	FIN428	Thuế	BB	3	3					K. Kinh tế	
05	ACC404	Hệ thống thông tin kế toán căn bản	BB	3	3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 5		14	14	0	0	0	0		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
Học kỳ 6											
01	SOS102	Văn Hiến Việt Nam	BB	3	3					K. GDĐC	
02	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	BB	3	3					K. GDĐC	
03	ACC419	Thực tập 1 Kế toán	BB	2			2			K. Kinh tế	
04		(Chọn 1 trong 2 học phần)	TC	3							
	ACC415	Lập báo cáo tài chính			3				K. Kinh tế		
	FIN422	Tài chính quốc tế			3				K. Kinh tế		
05		(Chọn 1 trong 2 học phần)	TC	3							
	FIN427	Thị trường tài chính			3					K. Kinh tế	
	FIN417	Quản trị tài chính			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 6		14	12	0	2	0	0		
Học kỳ 7											
01	NAS101	Môi trường và con người	BB	3	3					K. GDĐC	
02	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	BB	3	3					K. GDĐC	
03	ACC420	Thực tập nghề nghiệp Kế toán	BB	2			2			K. Kinh tế	
04	ACC412	Kiểm toán căn bản	BB	3	3					K. Kinh tế	
05		(Chọn 1 trong 2 học phần)	TC	3							
	BUS425	Phân tích hoạt động kinh doanh			3					K. GDĐC	
	ACC418	Thị trường chứng khoán			3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 7		14	12	0	2	0	0		
Học kỳ 8											
01	ACC409	Kế toán quản trị	BB	3	3					K. GDĐC	
02	ACC405	Kế toán chi phí	BB	3	3					K. Kinh tế	
03	ACC420	Thực tập nghề nghiệp Kế toán	BB	3			3			K. Kinh tế	
04		(Chọn 1 trong 2 học phần)	TC	3							
	BUS427	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế			3					K. Kinh tế	
	ACC417	Tổ chức bộ máy kế toán			3					K. Kinh tế	
05		(Chọn 1 trong 2 học phần)	TC	3							
	FIN420	Tài chính doanh nghiệp cơ bản			3						K. Kinh tế

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/TN	TT	ĐA/MH	ĐA/KLTN		
	FIN409	Nghệp vụ ngân hàng thương mại cơ bản			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 8		15	12	0	3	0	0		
Học kỳ 9											
01	ACC416	Phần Mềm kế toán	BB	3	3					K. Kinh tế	
02	ACC414	Kiểm toán thực hành	BB	3	3					K. Kinh tế	
03	ACC521	Khóa luận tốt nghiệp	TC	9					9	K. Kinh tế	
04		<i>Các học phần thay thế KLTN:</i>	<i>TC</i>	<i>9</i>							
	BUS419	Khởi nghiệp kinh doanh	TC	3	3					K. Kinh tế	
	ACC406	Kế toán hành chính sự nghiệp	TC	3	3					K. Kinh tế	
	ACC413	Kiểm toán nâng cao	TC	3	3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 9		15	15	0	0	0	9		

Ghi chú:

1. Các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh: học tập trung trong thời gian hè, theo lịch của Trường.
2. Các học phần Giáo dục thể chất sẽ được bố trí theo kế hoạch chung của toàn trường.
3. Các học phần Kỹ năng mềm, Ngoại ngữ - Tin học chuẩn đầu ra: sinh viên liên hệ Viện Doanh trí Văn Hiến; Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

Lê Sĩ Hải